

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2022/DS-ST
Ngày: 16-6-2022
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trường Hoàng Hoa.
2. Ông Võ Trọng Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Dương Kim Cương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Văn Nguyên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 6 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2021/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 92/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 128/2022/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Minh K**, sinh năm 1987; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: số 212/4/3F, đường L, phường a, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1981; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1985; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/11/2021 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh K trình bày:

Ngày 24/12/2020, chị có cho chị Nguyễn Thị L vay số tiền 200.000.000 đồng với lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm đến ngày 24/12/2021 hết hạn. Khi vay chị L có thể chấp chủ quyền sử dụng đất cho chị đối với thửa đất số 297, tờ bản đồ số 39, đất tại ấp A, xã T, huyện C cấp ngày 17/01/2011 do chị L đứng tên. Theo thỏa thuận ngày 24 tây mỗi tháng chị L sẽ trả lãi cho chị 6.000.000 đồng. Tuy nhiên, chị L chỉ thực hiện đóng lãi được 04 tháng. Từ ngày 24/5/2021 đến nay chị L không thực hiện đóng lãi làm ảnh hưởng quyền lợi của chị, chị đã nhiều lần yêu cầu chị L trả lãi và vốn theo thỏa thuận nhưng chị L cố tình né tránh không thực hiện. Nay chị yêu cầu chị L trả 200.000.000 đồng tiền vốn và lãi tính từ 24/5/2021 đến 24/12/2021: $200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 8 \text{ tháng} = 13.280.000 \text{ đồng}$.

Ngày 24/3/2021 chị Nguyễn Thị Ngọc A em ruột chị L đã mượn lại giấy đất thế chấp về đưa lại chị L nên chị không còn giữ giấy đất, chị L có nhận giấy đất chưa thì chị không biết. Đối với chữ viết “*Nguyễn Thị Ngọc A đã mượn lại sổ, lãi 2% tháng*” là do chị A ghi, chị A nói mượn lại sổ về đưa bà L làm gì đó chị không nhớ, còn lãi 2% là lãi của khoản nợ giữa chị A và chị nhưng chị không có kiện. Chị L chỉ nợ chị số tiền trên không còn khoản nợ nào.

Tại đơn xin rút lại một phần khởi kiện và đơn xin vắng mặt ngày 10/5/2022 chị Minh K trình bày để tạo điều kiện cho chị L trả nợ nên chị chỉ yêu cầu chị L trả lại tiền vốn 200.000.000 đồng, chị rút lại yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị L tại bản tự khai ngày 16/5/2022 và đơn xin vắng mặt ngày 17/5/2022 trình bày:*

Chị thừa nhận có vay của chị Minh K 200.000.000 đồng và có ký biên nhận nợ ngày 24/12/2020. Ngoài khoản nợ này chị không có nợ chị Minh K khoản nợ nào khác. Nay chị Minh K yêu cầu trả nợ, chị đồng ý trả số tiền trên nhưng do hoàn cảnh khó khăn, chị xin trả dần, chị yêu cầu không trả lãi. Chị đã nhận lại sổ đất thửa 297 tờ bản đồ số 39 tại ấp A, xã T do chị đứng tên. Do chị bận đi làm kiếm tiền trả nợ nên chị xin vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc A đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ dự phiên tòa nhưng vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận số tiền nợ 200.000.000 đồng, đây là tình tiết không cần chứng minh. Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả là có cơ sở phù hợp quy định pháp luật. Nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi nên đình chỉ yêu cầu này của chị Minh K. Bị đơn chị L yêu cầu trả dần nhưng

không được chị Minh K đồng ý nên không chấp nhận. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc A vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn yêu cầu trả tiền nợ do vay và bị đơn đang cư trú tại ấp B, xã N, huyện C nên Tòa án xác định tranh chấp là hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị Minh K cho rằng chị L có vay tiền của chị số tiền 200.000.000 đồng và hai bên có ký biên nhận, thời hạn vay là 01 năm, thỏa thuận miệng trả lãi hàng tháng. Tuy nhiên, chị L chỉ trả lãi chị được 4 tháng, chị nhiều lần yêu cầu chị L trả vốn lãi nhưng chị L cố tình né tránh. Do đó, chị Minh K khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền vốn 200.000.000 đồng và lãi. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 297 tờ bản đồ số 39 tại ấp A, xã T do chị L đứng tên được cấp ngày 17/01/2011 thì chị Nguyễn Thị Ngọc A là em ruột chị L đã nhận lại và đưa lại chị L.

[4] Xét yêu cầu của chị Minh K:

[4.1] Về số tiền nợ: Chị L thừa nhận có nợ chị Minh K số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 24/12/2020. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L chưa trả tiền cho chị Minh K, vi phạm thời hạn thanh toán theo sự thỏa thuận của các bên. Do đó, chị Minh K khởi kiện yêu cầu chị L trả tiền là có cơ sở phù hợp Điều 280, 466 của Bộ luật dân sự.

[4.2] Lãi: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu tính lãi nhưng ngày 10/5/2022 chị Minh K rút lại yêu cầu tính lãi, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nhằm tạo điều kiện cho chị L trả nợ. Xét đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

[4.3] Về phương thức trả nợ: Chị L đồng ý trả số tiền 200.000.000 đồng nhưng xin trả dần vì hiện nay hoàn cảnh khó khăn chị không thể trả một lần cho chị Minh K. Xét thấy, chị L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, gây thiệt hại quyền

lợi của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không đồng ý cho chị L trả dần nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 297 tờ bản đồ số 39 tại ấp An Quới, xã T do chị L đứng tên được cấp ngày 17/01/2011 mà chị Minh K giữ theo biên nhận ngày 24/12/2020 thì chị Ngọc A đã nhận lại và trả cho chị L. Chị L cũng thừa nhận đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo bản tự khai ngày 16/5/2022. Các đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc chị L có nghĩa vụ trả chị Minh K 200.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên chị L phải chịu án phí theo Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Áp dụng Điều 280, Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Mục 1 Phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao-Viện kiểm sát nhân dân tối cao-Bộ tư pháp-Bộ tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Minh K.

- Buộc chị Nguyễn Thị L trả cho chị Nguyễn Thị Minh K số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Đình chỉ xét xử yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn Nguyễn Thị Minh K đối với chị Nguyễn Thị L.

2. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị L phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại chị Nguyễn Thị Minh K 5.332.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005245 ngày 02/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Tuyên